

Bản án số: **331/2019/DS-PT**

Ngày 15/11/2019

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt

Ông Phạm Kim Cua

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2019/TLPT-DS, ngày 13 tháng 3 năm 2019 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST, ngày 02/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 121/2019/QĐPT-DS ngày 02 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Lê HH, sinh năm 1965

1.2. Bà Nguyễn TP, sinh năm 1964

Cùng địa chỉ: 73/1 ấp 5 (nay thuộc ấp GHC), xã GT, huyện TP, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê HH: Bà Nguyễn TP, sinh năm 1964, địa chỉ: 73/1 ấp 5 (nay thuộc ấp GHC), xã GT, huyện TP, tỉnh Bến Tre. (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/4/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của nguyên đơn: Luật sư Trần Nhật LH – Văn phòng luật sư Huy Nguyên thuộc đoàn luật sư tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn VB, sinh năm 1949

Địa chỉ: 24/1 ấp GH B, xã GT, huyện TP, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Lê Huỳnh NT – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Lê Thị NT, sinh năm 1987

3.2. Anh Lê NT1, sinh năm 1993

3.3. Anh Lê NL, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: 73/1 ấp 5 (nay thuộc ấp GHC), xã GT, huyện TP, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị NT, anh Lê NT1: Bà Nguyễn TP, sinh năm 1964, địa chỉ: 73/1 ấp 5 (nay thuộc ấp GHC), xã GT, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/02/2017 và văn bản ủy quyền ngày 28/02/2017)

3.4. Bà Nguyễn TL, sinh năm 1954

3.5. Anh Nguyễn VT, sinh năm 1982

3.6. Anh Nguyễn VS, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: 24/1 ấp GHB, xã GT, huyện TP, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn VT và anh Nguyễn VS: ông Nguyễn VB, sinh năm 1949, địa chỉ: 24/1 ấp GHB, xã GT, huyện TP, tỉnh Bến Tre. (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/01/2017)

3.7. Ông Lưu VĐ, sinh năm 1962 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 4, xã GT, huyện TP, tỉnh Bến Tre.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn TP.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Nguyễn TP, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê HH và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị NT và anh Lê NT1 trình bày:

Năm 1979, bà được cha mẹ là ông Nguyễn Văn B và bà Lưu Thị M cho bà và ông Hùng quản lý, sử dụng phần đất, trong đó có phần đất hiện nay bà và ông Hùng đang tranh chấp với ông Nguyễn VB. Sau khi được cho đất, bà và ông Hùng sử dụng một phần để cất nhà ở. Năm 1983, bà và bà Lưu Thị Mùa có bàn bạc thống nhất cho ông Nguyễn VB một phần đất để ở trong phần đất mà bà Lưu Thị Mùa đã cho bà, diện tích cho lúc đó khoảng 560m². Sau đó, ông Nguyễn VB tiếp tục dọn thêm một phần đất nữa để sử dụng khoảng 1.454m² thuộc thửa 04 (nay là thuộc một phần thửa 307, tờ bản đồ số 11). Như vậy bà cho ông Nguyễn VB khoảng 2.000m². Phần đất còn lại hiện trạng đất trước đây là đất ao và một phần đất gò (lát, cỏ). Năm 1995 bà và ông Hùng có đăng ký kê khai và năm 2001 được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 05, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.335m². Năm 1997 trong thời gian bà và ông Hùng đi làm ăn xa

thường xuyên vắng mặt tại địa phương nên ông Bé tự ý lấn chiếm thêm phần đất còn lại để trồng lá (dừa nước). Khi biết được việc này, bà và ông Hùng có trình báo sự việc với chính quyền ấp và Ủy ban nhân dân xã GT nhưng không được cơ quan nào giải quyết. Năm 1999, ông Bé có dọn lá trả lại đất cho gia đình bà, bà sử dụng đến năm 2001 thì ông Bé lấn chiếm trở lại và sử dụng cho đến nay. Việc ông Bé trả đất cho gia đình bà, bà không có giấy tờ gì chứng minh vì lúc đó hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Năm 2010, bà và ông Hùng có phát sinh tranh chấp với ông Bé và khởi kiện ra Tòa.

Nay bà yêu cầu ông Nguyễn VB và các thành viên trong hộ là bà Nguyễn TL, anh Nguyễn VT, anh Nguyễn VS trả lại cho gia đình bà phần đất thuộc một phần thửa 307 (ký hiệu 307B) có diện tích 523,9m² và diện tích 878,6m² thuộc một phần thửa 318 (ký hiệu 318A) cùng tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại ấp GHC, xã GT, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre. Đối với phần đất còn lại thuộc một phần thửa 307 và 318 cùng tờ bản đồ số 11, trước đây gia đình bà đã cho ông Bé sử dụng cất nhà ở khi bà Mùa còn sống thì bà không có tranh chấp gì đối với ông Bé phần này.

Ngoài ra, bà có yêu cầu bổ sung việc ông Bé trong quá trình sử dụng đất đã lấn sang thửa 301, tờ bản đồ số 11 của gia đình bà. Vì theo bà toàn bộ phần đất qua đo đạc thực tế có ký hiệu 307A có diện tích 130,6m² do bà chỉ ranh lẽ ra là phần đất thuộc thửa 301, tờ bản đồ số 11 (thửa cũ là thửa số 10) của gia đình bà đang sử dụng nhưng không biết vì lý do nào mà họa đồ ngày 12/7/2013 thể hiện đây là 307A. Do đó, bà không đồng ý theo ranh địa chính giữa thửa 301, tờ bản đồ số 11 với thửa 307, tờ bản đồ số 11 mà cán bộ đo đạc đã xác định.

Bà không yêu cầu xem xét, thẩm định, định giá lại tài sản tranh chấp; bà chỉ yêu cầu xác định lại ranh địa chính giữa thửa 301 và thửa 307.

Theo bị đơn ông Nguyễn VB, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn VT và anh Nguyễn VS trình bày:

Đất đang tranh chấp có nguồn gốc của ông Phạm VB cho ông từ đất rừng, ông khai phá sử dụng từ năm 1982 và cất nhà ở đến nay nhưng do gia đình ông thuộc diện hộ nghèo, không am hiểu pháp luật và từ trước đến giờ ông cũng không nghe ai nói gì về việc đăng ký kê khai nên phần đất đang có tranh chấp và phần còn lại ông đang sử dụng, ông không đăng ký kê khai để được cấp quyền sử dụng đất. Phần đất trên gia đình ông sử dụng ổn định từ trước đến nay, không có việc vào năm 1999 gia đình ông trả lại phần đất trên cho ông Hùng vì ngoài phần đất này gia đình ông không còn phần đất nào khác để sử dụng. Việc Ủy ban nhân dân huyện Thanh Phú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Hùng là hoàn toàn không đúng. Do đó, ông không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông Hùng và bà Phượng.

Nếu yêu cầu của vợ chồng ông Hùng, bà Phụng được chấp nhận thì ông tự nguyện di dời cái cống thoát nước, phần lá dừa nước trên đất ông không yêu cầu bồi thường giá trị.

Ông đồng ý với kết quả đo đạc, định giá ngày 12/7/2013; không yêu cầu xem xét, thẩm định, định giá lại tài sản tranh chấp.

Đối với việc bà Phụng, ông Hùng cho rằng trong quá trình sử dụng đất ông đã lấn sang thửa 301 của bà Phụng, ông Hùng là hoàn toàn không có; ông sử dụng đúng ranh giữa thửa 307 và 301 như từ trước đến nay.

Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn TL trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Bé. Bà không đồng ý giao trả đất theo yêu cầu của ông Hùng và bà Phụng. Nếu yêu cầu của vợ chồng ông Hùng, bà Phụng được chấp nhận thì phần lá dừa nước trên đất bà đồng ý giao luôn cho nguyên đơn sử dụng, bà tự nguyện di dời cái cống thoát nước của gia đình bà, không có yêu cầu gì về phần này. Bà không yêu cầu xem xét, thẩm định, định giá lại tài sản tranh chấp.

Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê NL trình bày:

Hiện nay anh đã tách hộ khẩu, không còn chung hộ với cha mẹ (ông Hùng và bà Phụng) nhưng trong thời gian gia đình anh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất trên thì anh là thành viên trong hộ của ông Hùng và bà Phụng nên anh cũng có yêu cầu gia đình ông Nguyễn VB trả lại cho gia đình anh phần đất có diện tích 878,6m² thuộc một phần thửa 318 (ký hiệu 318A) và 523,9m² thuộc một phần thửa 307 (ký hiệu 307B) cùng tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại ấp GHC, xã GT, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lưu VĐ trình bày:

Gia đình ông có đất nhưng tọa lạc tại ấp Giao Tân và ấp GHA, xã GT; còn thửa đất mà vợ chồng ông Hùng tranh chấp với vợ chồng ông Bé tọa lạc ấp GHC cho nên việc tranh chấp của các bên không liên quan gì đến ông. Việc Nhà nước đo đạc ghi tên ông đứng tên thửa 318 là sai tên chủ sử dụng đất. Do đó, ông không có tranh chấp gì trong vụ án này. Nếu khi nào Nhà nước hoặc những người liên quan đề nghị ông sang tên thì ông đồng ý. Ông yêu cầu giải quyết vắng mặt ông theo qui định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST, ngày 02/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 26, 169, 170, 203 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê HH, bà Nguyễn TP cùng các thành viên trong hộ gia đình ông Hùng là chị Lê Thị NT; anh Lê NL; anh Lê NT1 về việc yêu

cầu ông Nguyễn VB và bà Nguyễn TL giao trả diện tích 878,6m² thuộc một phần thửa 318 (ký hiệu 318A) và diện tích 523,9m² thuộc một phần thửa 307 (ký hiệu 307B) cùng tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại ấp 5 (nay thuộc ấp GHC), xã GT, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre (có hoạ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Lê HH, cấp lại cho ông Nguyễn VB, bà Nguyễn TL theo bản án đã tuyên.

2. Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Lê HH, bà Nguyễn TP về xem xét việc ông Nguyễn VB sử dụng đất lấn qua thửa 301 tờ bản đồ số 11 của ông bà và yêu cầu điều chỉnh ranh địa chính giữa thửa 301 và 307 cùng tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã GT, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre thì Tòa án không xem xét giải quyết. Ông Lê HH, bà Nguyễn TP có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

3. Về chi phí tố tụng: ông Lê HH, bà Nguyễn TP cùng các thành viên trong hộ gia đình ông Hùng là chị Lê Thị NT; anh Lê NL; anh Lê NT1 phải chịu số tiền là 2.710.000 đồng (hai triệu bảy trăm mười ngàn đồng) và đã nộp xong.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/01/2019, nguyên đơn bà Nguyễn TP kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST, ngày 02/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre. Theo đơn kháng cáo, bà Nguyễn TP đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án theo hướng sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Phụng vẫn giữ quan điểm khởi kiện, kháng cáo. Ông Bé không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Phụng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Qua các bản vẽ do Tòa án yêu cầu đo đạc với bản vẽ khi đo đạc VLAP ranh đất do ông Bé chỉ đo ngày càng lấn sang đất của bà Phụng, chứng tỏ ông Bé không xác định được ranh đất; Theo hồ sơ thì ông Bé cho rằng phần đất ông đang canh tác là do ông khai hoang diện tích khoảng 3.000m², nhưng khi Tòa án yêu cầu đo đạc thì diện tích có tăng lên và ông Bé lại cho rằng nguồn gốc đất của cha mẹ cho, như vậy, lời trình bày của ông Bé là không thống nhất; Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hùng, bà Phụng đã thất lạc nên không có căn cứ việc cấp giấy này là đúng hay sai; Theo công văn số 12 của UBND xã GT cho rằng bản đồ không ảnh lập năm 1980 là không chính xác, nhưng đến năm 1982 ông Bé mới vào sử dụng đất nên bản đồ không ảnh là chính xác; Trước đây ông Hùng, bà Phụng có khởi kiện ông Nhựt thì ông Nhựt xác nhận phần ruộng nước là ông mua của ông Thơ, ông Dễ nhưng ông Bé lại cho rằng ruộng nước là của ông, việc ông Bé cho rằng ruộng nước là của ông là không có căn cứ; Tại tờ trình của UBND xã GT thì có động viên ông Nhựt, ông Bé trả lại cái ruộng nước cho gia

đình bà Phượng nên có căn cứ cho rằng trước năm 1982 ông Bé không có sử dụng nương nước. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hùng, bà Phượng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Theo công văn 2380 của UBND huyện Thạnh Phú thì hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hùng đã thất lạc nên không xác định việc cấp giấy là đúng hay sai; Theo công văn số 12 của UBND xã GT xác nhận từ năm 1983 đến năm 1997 gia đình bà Phượng không có sử dụng phần đất tranh chấp. Các công văn của UBND xã GT và UBND huyện Thạnh Phú là đúng quy định. Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Hùng, bà Phượng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguồn gốc đất tranh chấp các bên không thống nhất. Căn cứ công văn 12 ngày 06/5/2011 của UBND xã GT có nội dung xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Bé sử dụng từ năm 1983 đến nay, ông Hùng bà Phượng không có canh tác, thời điểm năm 1997 ông Hùng, bà Phượng không có tranh chấp với ông Bé. Tại biên bản xác minh ngày 13/7/2016 Chủ tịch UBND xã GT khẳng định đất tranh chấp từ trước đến nay do vợ chồng ông Bé sử dụng. Theo công văn 2380/UBND-NC ngày 23/10/2018 xác định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hùng đã thất lạc nên không thể khẳng định việc cấp giấy cho ông Hùng là đúng hay sai. Do đó, nguyên đơn căn cứ vào giấy chứng nhận được cấp để đòi lại đất là không đủ căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa ngày 26/4/2019, bà Phượng cho rằng ông Nhật có trả đất cho bà sau đó ông Bé chiếm luôn phần đất này là không có căn cứ.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc ông Bé sử dụng lấn đất thửa 301 và yêu cầu điều chỉnh ranh đất thửa 301, 307 là yêu cầu mới được đưa ra sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết trong cùng một vụ án là phù hợp. Đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện, kháng cáo của ông Hùng, bà Phượng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn TP và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ông Lê HH và bà Nguyễn TP cho rằng phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc là của cha mẹ bà Phượng khai phá. Ông Hùng, bà Phượng được cha mẹ tặng cho phần đất trên vào năm 1979 nhưng ông Hùng, bà Phượng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc này. Đồng thời, ông Hùng, bà Phượng

cũng không chứng minh được từ năm 1979 đến năm 1997 ông bà có sử dụng phần đất trên. Ông Hùng, bà Phượng cho rằng đây là đất của ông bà nên năm 1999 gia đình ông Bé giao trả phần đất trên cho gia đình ông bà và ông bà có sử dụng phần đất trên từ năm 1999 đến năm 2001 nhưng không có chứng cứ chứng minh.

Theo Công văn số 12 ngày 06/5/2011; Công văn số 21 ngày 23/02/2018 của Ủy ban nhân dân xã GT và biên bản xác minh ngày 13/7/2016 đối với Chủ tịch UBND xã GT đều có nội dung xác nhận: Phần đất tranh chấp do gia đình ông Bé đã khai phá, sử dụng đất liên tục, công khai, ổn định từ năm 1982 đến nay, gia đình ông Hùng, bà Phượng không có sử dụng phần đất tranh chấp. Trước đó ông Hùng, bà Phượng không có tranh chấp phần đất này với gia đình ông Bé đến năm 2010 mới phát sinh tranh chấp. Do đó, có căn cứ xác định phần đất tranh chấp do gia đình ông Bé trực tiếp quản lý, sử dụng từ năm 1982 đến nay.

Mặt khác, theo nội dung Công văn số 2380/UBND-NC ngày 23/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Phú cho rằng do hồ sơ cấp quyền sử dụng đất bị thất lạc nên không khẳng định được việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất trên cho hộ ông Lê HH vào năm 2001 thửa số 5, tờ bản đồ số 1 là đúng hay sai. Hộ ông Hùng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không chứng minh được việc cấp giấy này là đúng đối tượng sử dụng đất vì thực tế phần đất hộ ông Hùng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Bé trực tiếp quản lý, sử dụng. Nguyên đơn căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để khởi kiện đòi lại đất là không có căn cứ chấp nhận.

Do đó, yêu cầu của ông Lê HH, bà Nguyễn TP cùng các thành viên trong hộ gia đình ông Hùng là chị Lê Thị NT, anh Lê NL, anh Lê NT1 về việc yêu cầu ông Nguyễn VB và bà Nguyễn TL giao trả diện tích 878,6m² thuộc một phần thửa 318 (ký hiệu 318A) và diện tích 523,9m² thuộc một phần thửa 307 (ký hiệu 307B) cùng tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại ấp 5 (nay thuộc ấp GHC), xã GT, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 19/6/2019, bà Phượng cho rằng ông Nhựt đã trả lại cho gia đình bà phần đất có chiều ngang 4m (phần đường nước) nên bà rút đơn khởi kiện đối với ông Nhựt. Sau đó, ông Bé lấn chiếm luôn phần đất mà ông Nhựt trả cho gia đình bà vì vậy bà yêu cầu tiến hành đo đạc lại để xác định phần đất mà ông Nhựt đã trả lại cho bà (thửa 295B và 295C). Sau khi tiến hành đo đạc lại, so sánh bản vẽ ngày 30/8/2019 và bản vẽ ngày 13/8/2013 thì phần đất do ông Bé chỉ ranh từ trước đến nay không có gì thay đổi. Năm 2013, khi đo đạc thửa đất 295B thì giữa ông Nhựt và ông Bé đã thống nhất ranh đất với nhau. Đồng thời, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/7/2019 thì anh Chiến (con ông Nhựt) xác định ranh đất giữa ông Nhựt và ông Bé không có thay đổi hay tranh chấp, không có việc ông Nhựt trả lại đất cho gia đình bà Phượng như lời bà

Phượng trình bày. Do đó, bà Phượng cho rằng ông Bé lấn chiếm phần đất do ông Nhựt trả cho gia đình bà là không có căn cứ.

Mặt khác, tại bản án dân sự sơ thẩm số 126/2016 ngày 21/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú (giữa nguyên đơn ông Lê HH, bà Nguyễn TP với bị đơn Nguyễn VB, Nguyễn Văn Nhựt) thì ông Hùng, bà Phượng đã rút yêu cầu khởi kiện đối với thửa 295B và 295C (phần nương nước), cùng tờ bản đồ số 11, Tòa án đã đình chỉ giải quyết đối với các thửa đất trên. Hiện nay, ông Hùng, bà Phượng chưa khởi kiện tranh chấp với ông Bé đối với hai thửa đất nêu trên nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết đối với nội dung này. Nếu phát sinh tranh chấp thì các bên có thể kiện bằng một vụ án khác.

[3]. Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Lê HH, bà Nguyễn TP về xem xét việc ông Nguyễn VB sử dụng đất lấn qua thửa 301 tờ bản đồ số 11 của ông bà và yêu cầu điều chỉnh ranh địa chính giữa thửa 301 và 307 cùng tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã GT, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nhận thấy: Yêu cầu này là yêu cầu mới, chưa được hòa giải cơ sở và được bổ sung sau khi Tòa án cấp sơ thẩm có quyết định đưa vụ án ra xét xử. Do đó, cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết trong cùng một vụ án là phù hợp với quy định pháp luật, ông Hùng, bà Phượng có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Đối với yêu cầu điều chỉnh ranh địa chính giữa thửa 301 và 307 cùng tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã GT, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre: Xét thấy yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên, thấy rằng bản án sơ thẩm tuyên là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn TP kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu của mình nên không được chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5]. Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm, do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn bà Nguyễn TP phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn TP

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST, ngày 02/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ các Điều 26, 1696, 170, 203 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê HH, bà Nguyễn TP cùng các thành viên trong hộ gia đình ông Hùng là chị Lê Thị NT; anh Lê NL; anh Lê NT1 về việc yêu cầu ông Nguyễn VB và bà Nguyễn TL giao trả diện tích 878,6m² thuộc một phần thửa 318 (ký hiệu 318A) và diện tích 523,9m² thuộc một phần thửa 307 (ký hiệu 307B) cùng tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại ấp 5 (nay thuộc ấp GHC), xã GT, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre (có hoạ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Lê HH, cấp lại cho ông Nguyễn VB, bà Nguyễn TL theo bản án đã tuyên.

2. Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Lê HH, bà Nguyễn TP về xem xét việc ông Nguyễn VB sử dụng đất lấn qua thửa 301 tờ bản đồ số 11 của ông bà và yêu cầu điều chỉnh ranh địa chính giữa thửa 301 và 307 cùng tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã GT, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre thì Tòa án không xem xét giải quyết. Ông Lê HH, bà Nguyễn TP có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

3. Về chi phí tố tụng: ông Lê HH, bà Nguyễn TP cùng các thành viên trong hộ gia đình ông Hùng là chị Lê Thị NT; anh Lê NL; anh Lê NT1 phải nộp số tiền là 2.710.000 đồng (hai triệu bảy trăm mười ngàn đồng) và đã nộp xong.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: ông Lê HH, bà Nguyễn TP cùng các thành viên trong hộ gia đình ông Hùng là chị Lê Thị NT; anh Lê NL; anh Lê NT1 phải liên đới chịu số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí do ông Lê HH và bà Nguyễn TP đã nộp là 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0021640 ngày 16/3/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú. Ông Lê HH và bà Nguyễn TP được hoàn lại số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0021640 ngày 16/3/2015; số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0021348 ngày 29/9/2014; số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0021423 ngày 30/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú.

- Án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn TP phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0021635 ngày 14/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Thanh Phú;
- VKSND tỉnh;
- CCTHADS huyện Thanh Phú;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thanh Thúy